

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi;
2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1121/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1984; thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: Số 1182, khu phố D, phường E, thị xã G, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1986; thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: Số 1182, khu phố D, phường E, thị xã G, tỉnh Bình Dương.

(Chị Vũ Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Trần Văn L vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Chị Vũ Thị T và anh Trần Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2008, quyền số 01 ngày

13/6/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2005 thì chuyển về sinh sống tại phường E, thị xã G, tỉnh Bình Dương. Chị T làm công nhân lương khoảng 9.000.000 đồng/tháng; anh L làm tài xế, lương khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì anh L ngoại tình, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau, không có tiếng nói chung. Chị T nhiều lần cho anh L cơ hội sửa đổi nhưng không có kết quả. Anh L thường xuyên đi khỏi nhà vài ngày, có khi đi một tuần mới về nhà một lần. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Vũ Thị T và anh Trần Văn L có hai con chung là Trần Thị H, sinh ngày 09/5/2003 và Trần Văn P, ngày 29/7/2009. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Văn P và giao con chung Trần Thị H cho anh L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 12/12/2019, bị đơn anh Trần Văn L trình bày:*

Anh Trần Văn L và chị Vũ Thị T chung sống với nhau khoảng 4 năm mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng đi làm ở G, Bình Dương. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Anh L không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Do không đồng ý ly hôn nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Trần Thị H và Trần Văn P, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 12/12/2019, cháu Trần Thị H trình bày:* Cháu H hiện đang ở với mẹ, cháu H có thấy ba mẹ cãi nhau. Nếu Tòa án giải quyết cho ba mẹ ly hôn, cháu H muốn sống với ba vì bà nội lớn tuổi, ba thì ít về nhà nên cháu H về lo cho bà nội.

- *Tại bản tự khai ngày 12/12/2019, cháu Trần Văn P trình bày:* Nếu Tòa án giải quyết cho ba mẹ ly hôn, cháu P xin được ở với mẹ vì ba đi làm không có thời gian chăm sóc cháu.

- *Ngày 04/02/2020, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Văn L tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường E và được cung cấp như sau:* Hội Liên hiệp phụ nữ phường E không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Văn L. Đồng thời Hội Liên hiệp phụ nữ phường E

cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường E cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Vũ Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2008, quyển số 01 ngày 13/6/2008 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày thì anh L ngoại tình, vợ chồng cãi nhau, không có tiếng nói chung, anh L thường xuyên đi khỏi nhà vài ngày, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2019. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh L. Về phía anh L cho rằng giữa vợ chồng không có mâu thuẫn nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Thực tế, anh L thường xuyên đi khỏi nhà, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng; Tòa án đã triệu tập anh L và chị T tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích giải thích, khuyên anh L, chị T bỏ qua những mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng; tuy nhiên anh L vắng mặt không lý do cho thấy anh L không muốn hàn gắn. Đồng thời qua lời khai của các con chung cũng phần nào thể hiện được tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh L đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Vũ Thị T và anh Trần Văn L có hai con chung là Trần Thị H, sinh ngày 09/5/2003 và Trần Văn P, sinh ngày 29/7/2009. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và giao cháu H cho

anh L nuôi dưỡng. Anh L có ý kiến được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng

Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “2. *Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...*”.

Xét cháu Trần Văn P hiện sống ổn định với chị T; cháu P đang ở độ tuổi dậy thì, rất cần sự quan tâm, gần gũi chăm sóc từ cha mẹ; tuy nhiên anh L ít về nhà, không có thời gian chăm sóc cháu P; đồng thời cháu P cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, cần giao cháu Trần Văn P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt. Đối với cháu Trần Thị H đã lớn, gần đủ tuổi trưởng thành, cháu H có nguyện vọng được ở với ba nên xét giao cháu H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ, khi ly hôn, người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh L mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nên xét không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị T đối với bị đơn anh Trần Văn L về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Trần Văn L (Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2008, quyển số 01, ngày 13/6/2008 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp).

- Về con chung: Giao con chung Trần Thị H, sinh ngày 09/5/2003 cho anh Trần Văn L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Văn P, sinh ngày

29/7/2009 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Vũ Thị T và anh Trần Văn L có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai được cản trở chị Vũ Thị T, anh Trần Văn L thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029695 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Trang